

Bản án số: 274/2020/HS-ST
Ngày 11-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Lê Phương

- Bà Hồ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 294/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1./ Trần Văn Đ; sinh ngày 24/12/1989 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKKHKT: tổ 80A, khu 5, phường B, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: tổ 60C, khu 4B, phường X, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn C (đã chết) và bà Trần Thị C1; Có vợ là Đậu Thị P (đã ly hôn) và 01 (Một) con; Tiền án: Ngày 13/01/2014 bị TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa thi hành xong phần dân sự của Bản án; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 09/5/2020. Có mặt.

2./ Lưu Quang T; sinh ngày 21/5/1990 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKKHKT: tổ 16, khu 2A, phường X, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: tổ 18, khu 7, phường X, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Khánh T1 và bà Vũ Ngọc L; Có vợ là Trần Thị Q (không đăng ký kết hôn) và có 01 (Một) con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: + Ngày 19/12/2006, bị TAND thành phố Hạ Long xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” đã chấp hành xong bản án; + Ngày 15/5/2014, bị TAND thành phố Hạ Long xử phạt 33 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đã chấp hành xong bản án. Bị bắt, tạm giam ngày 09/5/2020. Có mặt.

3./ Trần Thị Phương N; sinh ngày 04 tháng 9 năm 1995 tại Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKKHKT: tổ 70, khu 6, phường X, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Tổ 18, khu 7, phường X, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Bình Tr và bà Phạm Thị H1; Có chồng là Nguyễn Quang N (đã ly hôn), chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 09/5/2020. Có mặt.

* Người làm chứng: Vũ Thị Trà M, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: tổ 9, khu 4, phường H2, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: tổ 60C, khu 4B, phường X, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 40 phút ngày 09/5/2020 tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Công an phường Cao Xanh, Tp Hạ Long tiến hành kiểm tra phòng trọ số 2 thuộc tổ 60C, khu 4B, phường X, Tp H, trong phòng có Trần Văn Đ và Nguyễn Thị Trà M. Vật chứng thu giữ trong túi áo vest đen phía trước bên trái treo trong tủ quần áo cạnh cửa ra vào: 01 túi nilon màu trắng được kẹp dính một đầu, KT khoảng (2x2)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (Kí hiệu M1); 01 túi nilon màu trắng được kẹp dính một đầu, KT khoảng (3x2,5)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (Kí hiệu M2); 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn Đ và 01 điện thoại di động OPPO màu trắng đã qua sử dụng. Đ khai nguồn gốc ma túy bị thu giữ là khoảng 15 giờ cùng ngày Long “Hồng” gọi điện nhờ mua 300.000đ ma túy để cả 2 cùng sử dụng, L “H3” nhờ B “L1” đưa tiền cho Đ; Đ liên lạc và đến phòng trọ của Lưu Quang T mua 1 túi ma túy đá với giá 300.000đ, sau khi mua được ma túy Đ về phòng trọ của mình chia làm 02 túi rồi cất vào túi áo vest bên trái để trong tủ quần áo đồng thời gọi hẹn L đến phòng trọ của mình cùng sử dụng, trong lúc chờ L đến thì bị Công an kiểm tra, thu giữ vật chứng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lưu Quang T hồi 18 giờ 40 phút ngày 09/5/2020 thu giữ: Trong tủ nhựa cạnh đệm: 01 túi nilon Kt khoảng (2x2)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng để trong hộp kẹo Xyliton (Kí hiệu M3); 01 túi nilon Kt khoảng (5x8)cm bên trong có 2 túi nilon Kt khoảng (3x5)cm gồm: túi thứ nhất chứa 03 túi nilon màu trắng KT (2x2)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (Kí hiệu M4,M5,M6); túi thứ hai chứa 02 túi nilon màu trắng KT (1x1,5)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (Kí hiệu M7, M8); 01 túi nilon Kt khoảng (4x6)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng được đựng trong túi nilon màu đen (Kí hiệu M9); Trong chiếc giày màu trắng bên chân trái trên giá giày trong phòng: 01 túi nilon Kt khoảng (2x2)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (Kí hiệu M10); 01 cân điện tử vỏ nhựa màu nâu KT (3x5x1)cm; 3.000.000đ tiền Ngân hàng Việt Nam; 01 căn cước công dân mang tên Lưu Quang T; 01 điện thoại di động Iphone màu đen gắn sim số 0328435112.

Kết luận giám định số 455/GĐMT ngày 15/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Mẫu vật kí hiệu từ M1 đến M10 gửi giám định là ma túy; Loại: Methamphetamine, khối lượng như sau M1: 0,057g; M2: 0,108g; M3: 0,454g; M4: 0,256g; M5: 0,317g; M6: 0,329g; M7: 0,109g; M8: 0,101g; M9: 0,432g; M10: 0,318g. Hoàn lại sau giám định: M1: 0,01g; M2: 0,06g; M3: 0,39g; M4: 0,2g; M5: 0,26g; M6: 0,28g; M7: 0,06g; M8: 0,05g; M9: 0,38g; M10: 0,26g.

Cáo trạng số 269/CT-VKSHL ngày 26/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long truy tố các bị cáo Lưu Quang T và Trần Thị Phương N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS; bị cáo Trần Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu, việc bị truy tố và đưa ra xét xử là đúng người đúng tội không oan; đã được thực hiện các quyền, nghĩa vụ, giải thích việc công bố bản án theo quy định của pháp luật và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

Trần Văn Đ có lời khai thể hiện: Bị cáo mua ma túy của Lưu Quang T từ tháng 4/2020, trung bình một tuần mua 2-3 lần ma túy đá, mỗi lần mua 300.000đ-400.000đ. Lần gần nhất là ngày 08 và 09/5/2020. Việc mua ma túy nhằm mục đích để sử dụng do một mình bị cáo thực hiện không liên quan đến Vũ Thị Trà M. Điện thoại bị thu giữ, bị cáo có dùng để liên hệ với T ma túy.

Bị cáo Lưu Quang T có lời khai thể hiện: nguồn gốc số ma túy bị thu giữ trong phòng trọ là của bị cáo mua của Tuấn (nhà ở đường C1, phường X, Tp H) khoảng 4 lần, mỗi lần mua 3.000.000đ - 4.000.000đ mục đích để sử dụng cho bản thân và chia nhỏ bán kiếm lời. Lần cuối cùng bị cáo mua là sáng 05/5/2020, sau khi mua được 3.000.000đ ma túy đá, bị cáo về chia thành 12 túi cất giấu trong phòng trọ để bán dần. Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 09/5/2020 Đ gọi điện cho T hỏi mua 300.000đ ma túy đá, bị cáo đồng ý và hẹn giao nhận ma túy tại phòng trọ của mình. Sau khi nhận điện thoại, bị cáo quay về phòng trọ lấy túi ma túy đá đã đóng gói từ trước để trong chiếc giày trắng trên kệ để giày và giấu trong túi quần bên phải đang mặc, khoảng 20 phút sau Đ đến nhận ma túy và trả tiền cho bị cáo. Bị cáo đã bán ma túy cho Đ trung bình 1 tuần khoảng 3 lần, mỗi lần 300.000đ-400.000đ. Ngoài bán ma túy cho Đ, bị cáo còn bán cho Giang, Vũ và nhiều người khác nhưng không biết là ai. Bị cáo sử dụng điện thoại di động Iphone màu đen gắn sim số 0328.435.112 để liên lạc bán ma túy cho những người này. N là người ở trọ cùng bị cáo, giúp bị cáo bán ma túy 4 lần được 1.400.000đ, tiền bán ma túy cả 2 cùng chi tiêu hết. Bị cáo sử dụng điện thoại Iphone để liên hệ bán ma túy, cân điện tử để cân chia ma túy. Trong 3.000.000đ bị thu giữ có 1.500.000đ bị cáo bán ma túy mà có, còn lại 1.500.000đ là tiền cá nhân bị cáo.

Trần Thị Phương N có lời khai thể hiện: N biết T cất giấu ma túy bán cách đây khoảng 3 tháng, khi không có T ở phòng trọ thì N là người giao ma túy cho khách. N đã tự nguyện bán ma túy hộ cho T 4 lần (Lần thứ nhất, cách ngày bị bắt khoảng 3-4 ngày; 3 lần còn lại vào ngày 08/5/2020), những lần bán ma túy N đều làm theo lời T

mục đích lấy tiền chi tiêu sinh hoạt cho cả 2 người. Ngày 09/5/2020 khi đang có mặt tại phòng trọ cùng Lưu Quang T thì cơ quan công an đến kiểm tra, khám xét thu giữ vật chứng như nội dung vụ án đã nêu. Quá trình điều tra bị cáo bị thu giữ một điện thoại Iphone màu vàng kèm sim số 0367.553.494, đây là điện thoại T liên lạc với bị cáo để bán ma túy cho khách và một Giấy chứng minh nhân dân mang tên bị cáo.

Người làm chứng Vũ Thị Trà M có lời khai thể hiện: khoảng 15 giờ ngày 09/5/2020 chị và bạn trai là Trần Văn Đ đang có mặt tại phòng trọ thuộc tổ 60C, khu 4B, phường X, Tp H, tỉnh Quảng Ninh thì Công an đến kiểm tra phòng trọ và giữ giữ vật trong túi áo vest màu đen 02 túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng, Đ khai đó là ma túy mua về mục đích để sử dụng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt Lưu Quang T từ 7 đến 8 năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt; xử phạt Trần Thị Phương N từ 6 năm 6 tháng đến 7 năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Văn Đ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy lượng ma túy hoàn lại sau giám định; 01 cân điện tử màu nâu đã cũ, 01 vỏ hộp nhựa kẹo Xylitol đã cũ, 01 áo vest màu đen đã cũ và 01 chiếc giày màu trắng đã cũ; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động kèm sim và 1.500.000 của bị cáo T. Trả lại bị cáo T 1.500.000đ. Trả lại Giấy chứng minh nhân dân và căn cước công dân cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng; không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn Đ phù hợp với lời khai của người làm chứng về việc tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng; phù hợp lời khai của Lưu Quang T và Trần Thị Phương N về việc bán trái phép chất ma túy cho Đ; Lời khai của T và N phù hợp với nhau; phù hợp với

Biên bản kiểm tra và thu giữ vật chứng; Biên bản khám xét; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản thu thập dữ liệu điện tử; Bản ảnh; Biên bản khám xét; Kết luận giám định và Giấy nộp tiền vào tài khoản.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 15 giờ 40 phút ngày 09/5/2020 tại phòng trọ số 2 thuộc tổ 60C, khu 4B, phường X, Tp H, Trần Văn Đ có hành vi tàng trữ 0,165gam ma túy- loại Methamphetamine mục đích sử dụng thì bị phát hiện, thu vật chứng. Nguồn gốc số ma túy này Đ mua của Lưu Văn T và Trần Thị Phương N. Trong khoảng thời gian từ ngày 5 đến ngày 9/5/2020 tại phòng trọ số 88 thuộc tổ 18, khu 7, phường X, Tp H, T và N nhiều lần bán trái phép ma túy cho Đ và các đối tượng tên G, V (không rõ lai lịch, địa chỉ) mỗi lần bán từ 200.000đ-400.000đ. Ngoài ra, T và N còn có hành vi tàng trữ trái phép 2,316gam ma túy - loại Methamphetamine mục đích để bán.

Hành vi của bị cáo Trần Văn Đ đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Lưu Quang T và Trần Thị Phương N đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 đến 05 năm:

a) ...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”...

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...

b) Phạm tội từ 02 lần trở lên”...

[3] Tính chất mức độ, hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vi phạm pháp luật, xâm phạm tới sự độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác; các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhận thức được tác hại của ma túy; về nhân thân bị cáo T và Đ đã từng bị kết án không lấy đó làm bài học, tu dưỡng bản thân mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý để thỏa mãn nhu cầu bất chính của cá nhân thể hiện sự coi thường pháp luật; cần xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Trong vụ án này, Đ phạm tội độc lập, chịu trách nhiệm hình sự

tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội; T và N là đồng phạm, 2 bị cáo cùng bàn bạc, thống nhất việc đi mua ma túy về chia nhỏ bán kiếm lời sinh hoạt chung hàng ngày. Tuy nhiên, T trực tiếp đi mua, chia nhỏ, cất giấu và liên lạc để bán ma túy, số lần bán ma túy nhiều hơn nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn N.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo T, N không có; Bị cáo Đ đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 3 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đề nghị áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[5] Về vật chứng: Lượng ma túy hoàn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành; 01 cân điện tử màu nâu đã cũ, 01 vỏ hộp nhựa kẹo Xylitol đã cũ, 01 áo vest màu đen đã cũ và 01 chiếc giày màu trắng đã cũ là công cụ phạm tội, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy; 03 chiếc điện thoại kèm sim là công cụ phạm tội; 3.000.000đ thu giữ của T trong đó: 1.500.000đ là tiền mua bán ma túy mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 1.500.000đ là tài sản cá nhân không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên trả lại bị cáo; Các căn cước công dân và Giấy chứng minh nhân dân là giấy tờ tùy thân, trả lại cho các bị cáo

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Lưu Quang T và Trần Thị Phương N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Lưu Quang T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2020.

Xử phạt: Trần Thị Phương N 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2020

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Trần Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Trần Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2020.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS :

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì còn nguyên niêm phong số 455/KLGĐ ngày 15/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 (Một) cân điện tử màu nâu đã cũ; 01 (Một) vỏ hộp nhựa kẹo Xylytol đã cũ; 01 chiếc giày màu trắng đã cũ; 01 áo vest màu đen đã cũ; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Oppo màu trắng đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 7 màu đen đã cũ kèm sim điện thoại và 01 điện thoại Iphone 7 màu vàng đã cũ kèm sim điện thoại; Trả lại Lưu Quang T 01 thẻ Căn cước công dân; Trả lại Trần Văn Đ 01 thẻ căn cước công dân; Trả lại Trần Thị Phương N 01 chứng minh thư nhân dân (Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng số 289/BB-THA ngày 09/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp H).

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) của Lưu Quang T; Trả lại Lưu Quang T 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) nhưng tạm giữ đảm bảo thi hành án (Tình trạng như Giấy nộp tiền vào tài khoản tại Kho bạc nhà nước Quảng Ninh ngày 03/7/2020).

Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Trần Văn Đ, Lưu Quang T và Trần Thị Phương N mỗi bị cáo chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có các mặt bị cáo, báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKS; CA; THADS Tp Hạ Long;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(*đã ký*)

Lê Thanh Tâm